

HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY CỤ THỂ

PHẦN MỘT – THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG

Bài 1.

DÂN SỐ

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS cần có những hiểu biết căn bản về :

- Dân số và tháp tuổi.
- Dân số là nguồn lao động của một địa phương.
- Tình hình và nguyên nhân của sự gia tăng dân số.
- Hậu quả của bùng nổ dân số đối với các nước đang phát triển.

2. Về kĩ năng

- Hiểu và nhận biết được sự gia tăng dân số và bùng nổ dân số qua các biểu đồ dân số.
- Rèn kĩ năng đọc và khai thác thông tin từ các biểu đồ dân số và tháp tuổi.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong bài học có đề cập đến tỉ lệ (còn gọi là tỉ suất) sinh, tỉ lệ tử và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nhưng GV không cần phải đi sâu vào giải thích các khái niệm này mà chỉ cần cho HS biết tỉ lệ đó là gì.

Đối với bùng nổ dân số cũng vậy, GV không cần phải đi sâu giải thích thế nào là bùng nổ dân số, mà HS chỉ cần hiểu được : khi dân số tăng nhanh và đột ngột do tỉ lệ sinh cao, tỉ lệ tử không thay đổi hoặc hạ thấp thì xảy ra "bùng nổ dân số".

GV cần giúp HS *nhận biết được* sự gia tăng dân số và bùng nổ dân số trên biểu đồ dân số. Đối với bùng nổ dân số, GV cần tập trung vào phân tích những hậu quả do bùng nổ dân số gây ra và những biện pháp giải quyết.

2. Trong bài có hình tháp tuổi, GV chỉ cần cho HS biết được tháp tuổi là sự thể hiện cụ thể dân số qua giới tính và độ tuổi, để từ đó các em *có thể đọc được và khai thác được các thông tin về dân số* chứa đựng trong một tháp tuổi bất kì nào.

3. Về nội dung, đây là những nội dung vừa trừu tượng, vừa khó hình dung đối với HS. Vì thế, GV không nên sa đà vào các khái niệm, mà phải cung cấp các kiến thức cho HS từ những thông tin cụ thể khai thác trong các biểu đồ dân số ở cả hai mục (mục 2 và mục 3).

4. Về phương pháp, bài này đòi hỏi GV vận dụng tối đa các phương pháp phát huy tính tích cực, khéo léo hướng dẫn HS khai thác kênh hình để rút ra các kiến thức hết sức trừu tượng. Sự gia tăng dân số có thể nhận thấy và so sánh được bằng khoảng cách giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử ở các mốc 1950, 1980 và 2000 trên các biểu đồ 1.3 và 1.4. Bùng nổ dân số có thể nhận thấy được trên biểu đồ 1.2, dựa vào độ dốc đứng của đường biểu diễn gia tăng dân số và khoảng cách để tăng thêm 1 tỉ người trên thế giới (từ 2 tỉ lên 3 tỉ người mất 33 năm nhưng từ 3 tỉ lên 4 tỉ chỉ cần 14 năm...) hoặc từ đầu đến cuối thế kỉ XX dân số thế giới đã tăng gấp 4 lần (từ 1,5 tỉ lên hơn 6 tỉ người).

5. Trọng tâm bài học : Mục 2. Câu hỏi trọng điểm : Câu hỏi 3.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Biểu đồ gia tăng dân số thế giới từ đầu Công nguyên đến năm 2050 (tự vẽ).
- Biểu đồ gia tăng dân số địa phương tự vẽ (nếu có).
- Tranh vẽ 3 dạng tháp tuổi.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI MỚI

1. Lời giới thiệu

Lời vào đầu bài này vừa phác lên một hiện trạng của dân số thế giới, vừa là lời cảnh báo về một thách thức lớn đối với xã hội loài người. Nếu biết khéo gợi, GV sẽ gây nên sự tò mò trong HS.

– GV cũng có thể giới thiệu bài bằng cách đặt câu hỏi. Sau đây là một vài gợi ý :

– Các em có biết hiện nay trên Trái Đất có bao nhiêu người sinh sống ? Làm sao biết được trong số đó có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ, bao nhiêu trẻ, bao nhiêu già ?

– Các em có nghe nói tới "điều tra dân số" bao giờ chưa ? Người ta điều tra dân số để làm gì ?

– Các em có trông thấy "tháp tuổi" như trong bài này bao giờ chưa ? Ở đâu vậy ? Tháp tuổi này dùng để làm gì ?

– Các em có biết thành phố chúng ta (hay tỉnh, huyện, xã) có bao nhiêu người không ? Nơi nào đông người nhất, nơi nào ít người nhất ? Làm thế nào biết được điều đó ?

– v.v...

2. Gợi ý dạy mục 1

Bước 1 : GV cho HS hiểu bằng cách nào biết được số dân của một địa phương. Từ đó, GV cho biết trong điều tra dân số người ta tìm hiểu những điều gì.

Bước 2 : GV cho HS quan sát hình 1.1 và giải đáp các câu hỏi trong mục 1. GV hướng dẫn HS cách đọc và nhận xét tháp tuổi, lần lượt nêu được các ý sau :

– Số bé trai (bên trái) và bé gái (bên phải) của tháp tuổi thứ nhất đều khoảng 5,5 triệu. Ở tháp tuổi thứ hai, có khoảng 4,5 triệu bé trai và gần 5 triệu bé gái.

– Số người trong độ tuổi lao động (tô màu đỏ) ở tháp tuổi thứ hai nhiều hơn ở tháp tuổi thứ nhất.

– Nhận xét : Tháp tuổi thứ nhất có đáy tháp rộng, thân tháp thon dần. Tháp tuổi thứ hai có đáy tháp thu hẹp lại, thân tháp phình rộng ra.

– Kết luận : Tháp tuổi có hình dáng thân rộng đáy hẹp như tháp tuổi thứ hai có số người trong độ tuổi lao động (màu xanh biển) nhiều hơn tháp tuổi có hình dáng đáy rộng thân hẹp như tháp tuổi thứ nhất.

Bước 3 : Từ hai tháp tuổi, GV dẫn dắt HS đến các hiểu biết sau đây :

– Tháp tuổi là biểu hiện cụ thể về dân số của một địa phương.

– Tháp tuổi cho biết các độ tuổi của dân số, số nam – nữ, số người dưới độ tuổi lao động (màu xanh lá cây), trong độ tuổi lao động (màu xanh biển) và số người trên độ tuổi lao động (màu cam).

- Tháp tuổi cho biết nguồn lao động hiện tại và trong tương lai của địa phương
- Hình dạng tháp tuổi cho ta biết dân số trẻ (tháp thứ nhất) hay dân số già (tháp thứ hai).

3. Gợi ý dạy mục 2

Bước 1 : GV cho HS đọc các thuật ngữ để hiểu thế nào là tỉ lệ (hay tỉ suất) sinh, tỉ lệ tử.

Kế đó, dùng các biểu đồ 1.3, 1.4 để giúp HS hiểu, phân biệt và đọc được trên biểu đồ : đường xanh là tỉ lệ sinh, đường đỏ là tỉ lệ tử và phần tô hồng (khoảng cách giữa xanh và đỏ) là tỉ lệ gia tăng dân số. Cho HS đối chiếu khoảng cách giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử ở các năm 1950, 1980 và 2000 ; khoảng cách thu hẹp lại thì dân số tăng chậm, còn khoảng cách mở rộng là dân số tăng nhanh.

Bước 2 : GV cho HS quan sát biểu đồ 1.2 và yêu cầu HS cho biết dân số thế giới bắt đầu tăng nhanh từ năm nào (1804) và tăng vọt vào năm nào (1960, lúc đường biểu diễn dốc đứng) ; yêu cầu HS giải thích.

Cuối cùng, GV tổng kết tình hình gia tăng dân số thế giới và giải thích lí do dân số tăng chậm vào những năm đầu Công nguyên và tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây.

4. Gợi ý dạy mục 3

Bước 1 : GV dẫn dắt HS quan sát các biểu đồ 1.3, 1.4 để tự rút ra được các nhận xét sau đây :

- Tỉ lệ sinh ở các nước phát triển tăng vào đầu thế kỉ XIX nhưng sau đó giảm nhanh. Sự gia tăng dân số đã trải qua hai giai đoạn : dân số tăng nhanh vào khoảng từ năm 1870 đến năm 1950 (là những nơi khoảng cách mở rộng), nhưng sau đó tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm nhanh (khoảng cách thu hẹp dần).

- Tỉ lệ sinh của các nước đang phát triển giữ ổn định ở mức cao trong một thời gian dài trong cả hai thế kỉ XIX và XX, đã sụt giảm nhanh chóng từ sau 1950 nhưng vẫn còn ở mức cao. Trong khi đó, tỉ lệ tử lại giảm rất nhanh, đẩy các nước đang phát triển vào bùng nổ dân số khi đời sống và điều kiện y tế được cải thiện.

GV giải thích thế nào là "bùng nổ dân số" (dân số tăng nhanh và tăng đột ngột khi tỉ lệ sinh hàng năm còn cao trên 21‰, tỉ lệ tử giảm nhanh) và yêu cầu

HS đọc trên biểu đồ xem tỉ lệ sinh năm 2000 ở các nước đang phát triển là bao nhiêu (25%), ở các nước phát triển là bao nhiêu (trên 17%).

– Sự gia tăng dân số không đồng đều trên thế giới : dân số đang sụt giảm ở các nước phát triển và bùng nổ ở các nước đang phát triển.

Bước 2 : GV cho HS biết từ khoảng năm 1950, thế giới bước vào bùng nổ dân số và đặt câu hỏi yêu cầu HS lí giải nguyên nhân bùng nổ dân số, bằng cách quan sát tỉ lệ sinh trên các biểu đồ 1.3 và 1.4 (từ sau 1950, đường xanh tỉ lệ sinh của các nước đang phát triển luôn ở mức trên 30‰ trong khi ở các nước phát triển dưới 20‰) và tìm được nguyên nhân bùng nổ dân số thế giới (các nước đang phát triển góp phần quan trọng) là tỉ lệ gia tăng của toàn thế giới ở trên mức 21‰, mức bùng nổ dân số.

Bước 3 : GV đặt câu hỏi cho HS suy nghĩ : Đối với các nước có nền kinh tế còn đang phát triển mà tỉ lệ sinh quá cao (tức là quá nhiều trẻ em cần phải nuôi dưỡng) thì hậu quả sẽ như thế nào ? Từ câu trả lời của HS, GV đúc kết lại các hậu quả của bùng nổ dân số đối với các nước đang phát triển (ở mục 3) và những biện pháp để khắc phục bùng nổ dân số, biến gánh nặng dân số thành nguồn nhân lực phát triển đất nước.

V – GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

Câu hỏi 1 yêu cầu HS nhắc lại được hai thông tin chứa đựng trong một tháp tuổi :

– Kết cấu theo độ tuổi của dân số : bao nhiêu người ở từng lớp tuổi và từng nhóm tuổi.

– Kết cấu theo giới tính của dân số : bao nhiêu nam, nữ ở từng lớp tuổi và từng nhóm tuổi.

Câu hỏi 2 có hai yêu cầu với HS :

– Tính toán xem giai đoạn 1990 – 1995 so với giai đoạn 1950 – 1955 thì tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của nơi nào là cao nhất (châu Phi tăng thêm 0,35%) và nơi nào là thấp nhất (Nam Mĩ giảm đi tới 0,95%).

– Phân tích lí do vì sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á và Nam Mĩ giảm mà tỉ trọng dân số so với toàn thế giới vẫn tăng : hoặc vì dân số quá nhiều (châu Á chiếm tới 55,6% dân số thế giới), hoặc vì tỉ lệ tăng dân số vốn đã cao nhất thế giới (châu Nam Mĩ tới 2,65%) nên dù nay có giảm thì số dân tăng lên vẫn còn nhiều.

Câu hỏi 3 yêu cầu HS nắm chắc nguyên nhân (khi tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên trên 2,1%), hậu quả (gánh nặng về cả vấn đề : ăn, mặc, ở, học hành, việc làm,... do có nhiều trẻ em và thanh niên) và cách ngăn chặn bùng nổ dân số (kiểm soát sinh đẻ, phát triển giáo dục, cách mạng nông nghiệp và công nghiệp hóa...).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Dân số học đại cương* – Nguyễn Kim Hồng – NXB Giáo dục, 1998 (Trang 30 – 41, 61 – 69 và 109 – 110).
- *Tìm hiểu Trái Đất và loài Người* – Nguyễn Hữu Danh – NXB Giáo dục, 2001 (Trang 50, 98 và 108).